

DOI: 10.58490/ctump.2025i92.4401

KHẢO SÁT SỰ SẴN LÒNG CHĂM SÓC NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Nguyễn Thị Yến Nhi, Dương Thị Thùy Trang, Võ Thị Hồng Ánh, Nguyễn Lê Nhứt Bằng,
Lê Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Thị Ngọc Hân*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: ntnhan@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 16/9/2025

Ngày phản biện: 16/10/2025

Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sự kỳ thị đối với những người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng cũng như tại các cơ sở y tế luôn là mối quan tâm hàng đầu trong công tác phòng chống HIV/AIDS. Là lực lượng nhân viên y tế trong tương lai, sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng là vô cùng quan trọng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng trường Đại Học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 106 sinh viên Điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Chọn mẫu bằng phương pháp chọn mẫu toàn bộ với tỉ lệ phản hồi là 92,2%. Số liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi tự điền đánh giá sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS gồm 13 câu hỏi theo thang đo 5-likert. Sự sẵn lòng được chia thành 3 mức gồm sẵn lòng (43,35 – 65 điểm), không chắc (21,68 – 43,34 điểm) và không sẵn lòng (1 – 21,67 điểm). Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 26.0. **Kết quả:** Điểm trung bình về sự sẵn lòng chăm sóc đạt (42,53 ± 11,86 điểm), trong đó có 57,5% sinh viên “sẵn lòng” chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, 35,8% sinh viên trả lời “không chắc” và có 6,6% sinh viên “không sẵn lòng” chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS. **Kết luận:** Sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Dược Cần Thơ có sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS ở mức trung bình khá. Có rất ít sinh viên không sẵn sàng chăm sóc. Để cải thiện sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên, các buổi tập huấn, chia sẻ góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chăm sóc điều dưỡng đối với người nhiễm HIV/AIDS cần được triển khai.

Từ khóa: Sự sẵn lòng, người nhiễm HIV/AIDS, sinh viên, điều dưỡng.

ABSTRACT

SURVEY ON WILLINGNESS TO CARE FOR PEOPLE WITH HIV/AIDS OF NURSING STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Nguyen Thi Yen Nhi, Duong Thi Thuy Trang, Vo Thi Hong Anh, Nguyen Le Nhut Bang,
Le Thi My Hanh, Nguyen Thi My Duyen, Nguyen Thi Ngoc Han*

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: HIV/AIDS has been a major global health concern for many years. The stigma against people living with HIV/AIDS, both in the community and healthcare facilities, remains a critical issue in HIV/AIDS prevention and control efforts. Therefore, ensuring that students have the willingness to care for people living with HIV/AIDS is critical in nursing education. **Objectives:** The willingness to care for people living with HIV/AIDS among nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Materials and methods:** A cross-sectional study was conducted on 106 third-year nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. The response rate was 92.2%. Data were collected by using a self-reported questionnaire including 13 5-Likert

questions. The students' willingness was divided into 3 levels: willing (43.35–65 scores), neutral (21.68–43.34 scores), and not willing (1–21.67 scores). **Results:** The average willingness score was (42.53 ± 11.86); 57.5% of students were willing to care for HIV/AIDS patients, 6.6% of students were not willing to provide care, and 35.8% of students were uncertain about their willingness. **Conclusions:** Nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy showed a moderate level of willingness to care for HIV/AIDS patients, though some students remained hesitant or unwilling to provide care. Intervention strategies or programs should be developed to enhance nursing students' willingness to care for people living with HIV/AIDS.

Keywords: Willingness, HIV-infected individuals, nursing, students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

HIV/AIDS trong nhiều năm gần đây luôn là một vấn đề y tế được quan tâm hàng đầu trên toàn thế giới. HIV/AIDS gây ra nhiều vấn đề không chỉ cho người nhiễm mà còn cho gia đình, hệ thống y tế và xã hội bởi vì nó ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe, chất lượng cuộc sống của người bệnh; mà còn làm tăng gánh nặng kinh tế, chi phí điều trị, nguồn nhân lực chăm sóc, vật tư y tế, và các vấn đề kinh tế xã hội khác [1]. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Chương trình phối hợp của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS (UNAIDS), tính đến năm 2023, có khoảng 39,9 triệu người nhiễm HIV trên toàn cầu; trong đó có 1,3 triệu trường hợp mới mắc. Trong những năm gần đây, HIV/AIDS dẫn đến khoảng 630.000 ca tử vong và thực sự trở thành gánh nặng kinh tế cho các nước nghèo và đang phát triển với khoảng 20,8 tỷ đô la Mỹ chi phí cho các chương trình phòng chống HIV/AIDS tại đây [1]. Tại Việt Nam, đến nay theo thống kê có khoảng 249.000 người nhiễm HIV và số người tử vong do HIV/AIDS là 113.689 người [2]. Với vị trí chủ chốt trong lực lượng chăm sóc, sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của đội ngũ điều dưỡng tương lai có vai trò vô cùng thiết yếu. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây cho thấy điều dưỡng và sinh viên điều dưỡng vẫn còn nhiều e ngại và chưa sẵn lòng cao trong việc chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS [3], [4]. Bên cạnh đó, tại Việt Nam nói chung và Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng, nhóm nghiên cứu chưa tìm thấy nghiên cứu nào về sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu khảo sát sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành điều dưỡng năm thứ 3 và 4 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:**

+ Đã hoàn thành ít nhất một học phần thực hành lâm sàng.

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên vắng mặt trong thời gian thu thập số liệu (tạm nghỉ học, trao đổi sinh viên ngoài trường).

- **Thời gian nghiên cứu:** Từ tháng 5 năm 2024 đến 5 năm 2025.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Sinh viên ngành Điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu sinh viên điều dưỡng; Z: trị số từ phân phối chuẩn

a: mức ý nghĩa, chọn $= 0,05 \Rightarrow Z_{1-\alpha/2}^2 = 1,96$; d: sai số cho phép, chọn $d=10\%$

P: tỉ lệ sinh viên sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS.

Lấy $p=0,68$ theo nghiên cứu của Kok và cộng sự (2020) [4]. Tính được $n=84$. Thực tế, chúng tôi mời 115 sinh viên tham gia, thu thập được 106 mẫu, với tỉ lệ phản hồi 92,2%.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới tính, năm đào tạo, học lực, số học phần lâm sàng hoàn thành, kinh nghiệm chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS.

+ Đánh giá sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS: Sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS được đánh giá qua tinh thần tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc vệ sinh, dinh dưỡng, cũng như hỗ trợ cơ bản và nâng cao cho người nhiễm HIV/AIDS. Sự sẵn lòng chăm sóc của sinh viên được khảo sát bằng bộ câu hỏi của Dubbert và cộng sự (1994) gồm 13 câu hỏi theo thang đo 5-likert. Mỗi câu hỏi được chia thành 5 mức, bao gồm là “rất đồng ý” = 5 điểm; “đồng ý” = 4 điểm; “phân vân” = 3 điểm; “không đồng ý” = 2 điểm; “rất không đồng ý” = 1 điểm. Tổng điểm sự sẵn lòng có giá trị dao động từ 13 đến 65 điểm và được chia thành 3 mức độ để đánh giá gồm “Sẵn lòng”: từ 43,35 – 65 điểm, “Không chắc”: từ 21,68 – 43,34 điểm, “Không sẵn lòng”: từ 1 – 21,67 điểm. Trước khi sử dụng, bộ câu hỏi tiếng Anh được dịch sang tiếng Việt và đảm bảo chất lượng dịch thuật bằng quy trình dịch ngược [5]. Sau đó được đánh giá thử với 30 sinh viên có đặc điểm giống đối tượng nghiên cứu với kết quả Cronbach’s alpha bằng 0,81.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Đối tượng nghiên cứu được giới thiệu cụ thể về mục đích, các bước tiến hành nghiên cứu, xác nhận tham gia, nhận bộ câu hỏi bản giấy và thực hiện trả lời trực tiếp trong thời gian 15-20 phút.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Sử dụng phần mềm thống kê SPSS 26.0. Các thống kê mô tả gồm trung bình, độ lệch chuẩn (đối với phân phối chuẩn), trung vị, khoảng tứ phân vị (đối với phân phối không chuẩn), tần số, tỉ lệ được sử dụng để phân tích đặc điểm của các biến số về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu và sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS.

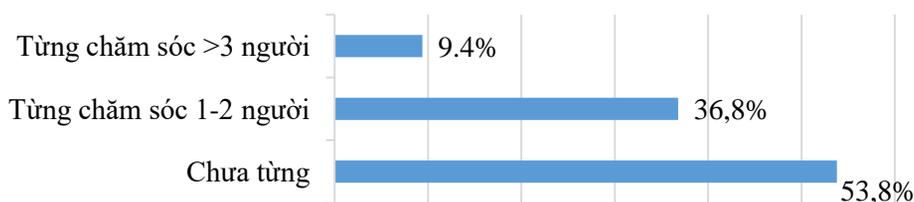
- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành khi đã được thông qua Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường ĐHYDCT (Số: 24.006.SV/PCT-HĐĐĐ ngày 24/5/2024). Dữ liệu thu thập được mã hóa và đặt các mật khẩu mà chỉ có cán bộ hướng dẫn và các thành viên tham gia nghiên cứu được phép truy cập. Mọi thông tin của đối tượng nghiên cứu sẽ được giữ bí mật và không ảnh hưởng đến quyền lợi cá nhân của người tham gia nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Tuổi trung bình của sinh viên điều dưỡng trong nghiên cứu là $20,6 \pm 0,77$ tuổi, dao động từ 20 đến 25 tuổi. Sinh viên nữ chiếm đa số với tỉ lệ 84,9%. Sinh viên có học lực khá chiếm tỉ lệ cao nhất với 66% và thấp nhất là học lực giỏi 10,4%. Có 63,2% sinh viên năm 3, 36,8% sinh viên năm 4. Sinh viên điều dưỡng hoàn thành ít hơn 3 học phần lâm sàng

chiếm 36,8%, tiếp đến là sinh viên hoàn thành > 9 học phần lâm sàng (31,1%), từ 3 đến 5 học phần (26,4%) và 6 đến 8 học phần (5,7%).



Biểu đồ 1. Kinh nghiệm chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS

Nhận xét: Số sinh viên điều dưỡng chưa từng tham gia thực hiện chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS chiếm tỉ lệ cao (53,8%).

3.2. Đánh giá sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS

Bảng 1. Điểm trung bình của sự sẵn lòng (n=106)

Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung vị	Khoảng tứ phân vị
13	63	42,53	11,86

Nhận xét: Điểm trung bình sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng là $42,53 \pm 11,86$ điểm.

Bảng 2. Sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS (n=106)

Sự sẵn lòng	Tần số	Tỉ lệ (%)
Sẵn lòng	61	57,5
Không chắc	38	35,8
Không sẵn lòng	7	6,6
Tổng	106	100

Nhận xét: Phần lớn sinh viên đều sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS (57,5%). Tuy nhiên, tỉ lệ sinh viên không sẵn lòng chiếm 6,6%.

Bảng 3. Sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Trung bình (ĐLC)
Tôi sẵn lòng đưa bữa ăn đến cho người nhiễm HIV/AIDS	10,4	14,2	14,2	39,6	21,7	3,48* (1,27)
Tôi sẵn lòng lấy dấu hiệu sinh tồn cho người nhiễm HIV/AIDS	9,4	17,9	14,2	37,7	20,8	3,42* (1,27)
Tôi sẵn lòng thay ga trải giường cho người nhiễm HIV/AIDS	6,6	17	24,5	35,8	16	3,38* (1,14)
Tôi sẵn lòng cho người nhiễm HIV/AIDS ăn	5,7	19,8	20,8	37,7	16	3,39* (1,14)
Tôi sẵn sàng truyền dịch cho người nhiễm HIV/AIDS (có dùng găng tay)	7,5	17	20,8	41,5	13,2	3,36* (1,14)
Tôi sẵn sàng vệ sinh thiết bị (có sử dụng găng tay) sau khi bác sĩ hoàn thành thăm khám người nhiễm HIV/AIDS	11,3	15,1	20,8	40,6	12,3	3,27* (1,20)

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Trung bình (ĐLC)
Tôi sẵn lòng thực hiện chăm sóc ống thông cho người nhiễm HIV/AIDS	6,6	13,2	33	35,8	11,3	3,32 (1,06)
Tôi sẵn sàng đổ túi đựng nước tiểu của người nhiễm HIV/AIDS (có dùng găng tay)	10,4	14,2	29,2	35,8	10,4	3,22 (1,14)
Tôi sẵn sàng thực hiện truyền máu cho người nhiễm HIV/AIDS (có dùng găng tay)	9,4	17,9	22,6	40,6	9,4	3,23 (1,14)
Tôi sẵn lòng thay băng cho người nhiễm HIV/AIDS nếu dùng găng tay	8,5	13,2	32,1	37,7	8,5	3,25 (1,07)
Tôi sẵn lòng cạo râu cho người nhiễm HIV/AIDS	5,7	23,6	40,6	22,6	7,5	3,03 (1,00)
Tôi sẵn lòng tắm tại giường cho người nhiễm HIV/AIDS	10,4	14,2	29,2	35,8	10,4	3,11 (0,97)
Tôi sẵn lòng lau mặt hoặc làm sạch chất nôn cho người nhiễm HIV/AIDS nếu dùng găng tay	8,5	16	36,8	36,8	1,9	3,08 (0,97)

*Trung vị (Khoảng tứ phân vị)

Nhận xét: Trên 50% sinh viên sẵn lòng chăm sóc cơ bản như nuôi dưỡng, lấy dấu hiệu sinh tồn và truyền dịch cho người nhiễm HIV/AIDS. Trái lại, sinh viên rất không sẵn lòng trong việc thực hiện cạo râu, tắm và vệ sinh chất nôn cho người nhiễm HIV/AIDS.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy độ tuổi trung bình của sinh viên tham gia nghiên cứu là $20,6 \pm 0,77$ tuổi. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Phạm Hùng và cộng sự (2024), ghi nhận độ tuổi trung bình của sinh viên điều dưỡng là 20,26 tuổi [6]. Tỷ lệ sinh viên nữ chiếm đa số, đạt 84,9%, cao hơn đáng kể so với sinh viên nam (15,1%). Xu hướng này tương đồng với nghiên cứu của Vũ Hoàng Anh và cộng sự (2024) và Trần Trịnh Quốc Việt và cộng sự (2024), với tỷ lệ sinh viên nữ lần lượt là 83,3% và 85,63% [6], [8]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, sinh viên năm thứ ba chiếm 63,2%, trong khi năm thứ tư chiếm 36,8%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Quân và cộng sự (2023), với tỷ lệ sinh viên năm thứ ba là 59,1% và năm thứ tư là 40,9% [9]. Phần lớn sinh viên có học lực khá (66%), trong khi tỷ lệ sinh viên có học lực trung bình - yếu ở mức đáng kể (26,3%) và giỏi chiếm tỷ lệ thấp (10,4%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Hưng Hòa và cộng sự (2021), thực hiện trên sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch [10]. Có 36,8% sinh viên đã hoàn thành dưới 3 học phần lâm sàng, trong khi 31,1% sinh viên hoàn thành trên 9 học phần. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Chu Thị Loan và cộng sự (2024), trong đó 35% sinh viên có thời gian thực hành lâm sàng từ 10–20 tuần, và 37,9% sinh viên có thời gian thực hành ≥ 40 tuần [11]. Kết quả nghiên cứu cho thấy 53,8% sinh viên điều dưỡng chưa từng tham gia chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, 36,8% sinh viên đã chăm sóc từ 1–2 người bệnh, và chỉ 9,4% sinh viên có kinh nghiệm chăm sóc trên 3 người bệnh. So sánh với nghiên

cứu của Phạm Thị Thùy Dung và cộng sự (2017), có sự khác biệt đáng kể. Nghiên cứu này ghi nhận tỉ lệ sinh viên chưa từng tham gia chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS chỉ chiếm 17,2%, trong khi tỉ lệ sinh viên từng chăm sóc ≥ 3 người bệnh chiếm 49,5% [12].

4.2. Đánh giá sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS

Sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên có điểm trung bình $42,53 \pm 11,86$, cho thấy mức độ sẵn lòng chăm sóc chưa cao. So với các nghiên cứu khác, điểm trung bình sẵn lòng chăm sóc có cao hơn, dù vẫn có một số sinh viên có thái độ chưa tích cực. Như nghiên cứu tại Nga và Iraq cho thấy mức độ sẵn lòng chăm sóc cao hơn. Nghiên cứu cho thấy 57,5% sinh viên sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, 35,8% sinh viên không chắc chắn và 6,6% sinh viên không sẵn lòng. Mặc dù phần lớn sinh viên thể hiện sự sẵn lòng, nhưng tỉ lệ không chắc chắn và không sẵn lòng vẫn chiếm một phần đáng kể (42,4%). Nghiên cứu tại Nga, gần 80% sinh viên điều dưỡng cho rằng họ có quyền từ chối chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, khoảng 40% thực sự từ chối chăm sóc và khoảng 43% sinh viên cảm thấy không thoải mái khi chăm sóc người đồng tính nhiễm HIV/AIDS, cho thấy mức độ kỳ thị cao [3].

Sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng là chỉ số quan trọng phản ánh mức độ sẵn sàng thực hành nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu có trên 50% sinh viên sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc cơ bản như cung cấp dinh dưỡng, theo dõi dấu hiệu sinh tồn và truyền dịch cho người nhiễm HIV/AIDS. Tuy nhiên, nghiên cứu của Kok và cộng sự đã chỉ ra tỉ lệ đáng kể sinh viên điều dưỡng vẫn có xu hướng né tránh làm việc với người bệnh có nhiễm HIV/AIDS. Cụ thể, 58,5% sinh viên muốn làm việc với nhóm người bệnh khác; 55,4% có xu hướng chuyển người bệnh có nhiễm HIV/AIDS cho đồng nghiệp, và 49,2% thích không làm việc với nhóm người bệnh này nếu được chọn [4]. Số liệu này cho thấy mặc dù sinh viên có thể sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nhưng vẫn tồn tại sự e dè, né tránh khi phải chăm sóc lâu dài cho người nhiễm HIV/AIDS.

Khi đánh giá cụ thể về sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, chúng tôi nhận thấy sinh viên không sẵn lòng thực hiện cạo râu (30,2%), tắm tại giường (36,8%) và lau mặt hoặc làm sạch chất nôn (38,7%) cho người bệnh. Ngược lại, trên 50% sinh viên sẵn lòng thực hiện cho người bệnh ăn, lấy dấu hiệu sinh tồn và truyền dịch. Như vậy, sinh viên có xu hướng né tránh các hoạt động đòi hỏi tiếp xúc gần với người bệnh do sợ phơi nhiễm dịch tiết cơ thể. Tương tự, nghiên cứu của Kok và cộng sự đã đưa ra kết quả nghiên cứu cho thấy một tỉ lệ đáng kể sinh viên điều dưỡng có thái độ tiêu cực đối với người nhiễm HIV/AIDS. Cụ thể, 84,9% sinh viên đôi khi cảm thấy khó cảm thông với người nhiễm AIDS, 81,8% cảm thấy bức bối nếu phải chăm sóc nhiều người bệnh AIDS và 74,2% cảm thấy tức giận về nguy cơ AIDS mà người đồng tính nam gây ra cho cộng đồng dị tính [4]. Như vậy, từ kết quả nghiên cứu này cho thấy việc xây dựng và phát triển các chương trình tập huấn, đào tạo cho sinh viên điều dưỡng về chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS - đặc biệt là tầm quan trọng, ý nghĩa, đóng góp của công tác điều dưỡng và thái độ của điều dưỡng đối với người nhiễm HIV/AIDS - cần được triển khai để nâng cao sự sẵn lòng và chất lượng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS.

V. KẾT LUẬN

Sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng ở mức trung bình khá. Có tới 57,5% sinh viên sẵn lòng, 35,8% không chắc và 6,6% sinh viên không sẵn lòng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS. Để cải thiện sự sẵn lòng chăm sóc người nhiễm

HIV/AIDS của sinh viên, các buổi tập huấn, chia sẻ góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chăm sóc điều dưỡng đối với người nhiễm HIV/AIDS cần được triển khai.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo quyết định số 1500/QĐ-ĐHYDCT ngày 29/5/2024 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNAIDS. Global HIV & AIDS statistics — Fact sheet. 2024. <https://www.unaids.org/en>.
 2. Cục phòng, chống HIV/AIDS - Bộ Y Tế. Định hướng năm 2023 và những năm tiếp theo: Hướng tới chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030. 2022. <https://vaac.gov.vn/>.
 3. Suominen T., et al., Russian nursing students' knowledge level and attitudes in the context of human immunodeficiency virus (HIV) - a descriptive study. *BMC Nurs.* 2015. 14(1), 1. doi: 10.1186/s12912-014-0053-7
 4. Kok G. Guvenc, G., and Kaplan Z. Nursing Students' Knowledge, Attitudes, and Willingness to Care Toward People with HIV/AIDS. *International Journal of Caring Sciences.* 2020. 11(3), 1697-1706.
 5. Cha E.S., Kim K.H., and Erlen J.A. Translation of scales in cross-cultural research: issues and techniques. *Journal of advanced nursing* 2007. 58(4), 386-395. doi:10.1111/j.1365-2648.2007.04242.
 6. Phạm Hùng, Lê Hồng Liêm. Khảo sát kiến thức về an toàn người bệnh của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Quốc tế miền Đông, tỉnh Bình Dương. *Tạp chí Y học Việt Nam.* 2024. 542(2), 342-346. doi: 10.51298/vmj.v542i2.11136.
 7. Vũ Hoàng Anh và Nguyễn Thị Thu Trang. Sự sẵn sàng chăm sóc người cao tuổi của sinh viên khoa điều dưỡng Trường Đại học Đại Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Y học.* 2024. 183(10), 403-411. doi: 10.52852/tencyh.v183i10.2476
 8. Trần Trịnh Quốc Việt, Nguyễn Thị Thảo Ngân và Huỳnh Thụy Phương Hồng. Hoạt động thể chất của sinh viên điều dưỡng tại Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam.* 2023. 532(2), 233-238. doi: 10.51298/vmj.v532i2.7619
 9. Nguyễn Quân, Đặng Trần Ngọc Thanh, và Trần Thụy Khánh Linh. Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng.* 2023. 6(05), 34-47. doi: 10.54436/jns.2023.05.657
 10. Nguyễn Hưng Hòa, Ngô Anh Tuấn, và Nguyễn Văn Chinh. Thực trạng năng lực phản tỉnh của Sinh Viên ngành điều dưỡng. *Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng.* 2021. 19(8), 37-41.
 11. Chu Thị Loan, Phạm Thị Thu Phương, Trần Nhật Phương Anh, Liêu Ngọc Liên, Nguyễn Thị Huệ, Thái Thanh Trúc. Nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường thực hành lâm sàng. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh.* 2024. 27(2), 113-120. doi: 10.32895/hcjm.m.2024.02.16
 12. Phạm Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Hồng Anh, and Nguyễn Hồng Trang. Kiến thức, thái độ trong phòng chống và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên điều dưỡng trường Đại học y Hà Nội và Thành Tây năm 2017. *Tạp chí Y học Việt Nam.* 2021. 499(1-2), 80-84. doi: 10.51298/vmj.v499i1-2.233.
-